

BẢN SAO

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

1/11/2014 - 28/12/2015

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

THÔNG TIN KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1000215007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thái Bình cấp lần đầu ngày 13 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 02 năm 2013.

Trụ sở chính đặt tại: Số 01, phố Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Số điện thoại: 0363.731.722

Fax: 0363.731.312

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Công Tri

Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đầu tư tài chính Châu Á tại Hà Nội.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài các sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 28/02/2015 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm

CÔNG TY TNHH MTV XNK TỈNH THÁI BÌNH

Số 01, Hai Bà Trưng, P. Lê Hồng Phong, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Tel: 0363.731.722 Fax: 0363.731.312

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



CÔNG TY TNHH MTV XUẤT NHẬP KHẨU TỈNH THÁI BÌNH

Nguyễn Công Trì
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2015



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Dặng Luân Định



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Địa chỉ: Phòng 115, tầng 11, tòa nhà CT3, KĐT Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 6281 2260 Fax: (84-4) 6281 2260
Email: fadaco@fadacohanoi.com Website: www.fadacohanoi.com

Số: 82 /2014/FADACO-AUDHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2015

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 28 tháng 02 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015 của Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 05 đến trang 19 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Do không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 28/02/2015 nên chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của những khoản mục này được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

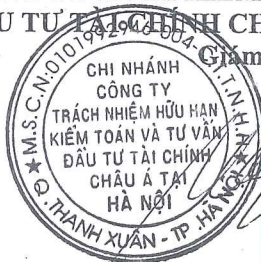
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 28 tháng 02 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015; và
- (b) Phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình giữ 05 bản, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đầu tư tài chính châu Á tại Hà Nội giữ 01 bản.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á – CN HÀ NỘI**



Giám đốc

TRẦN PHƯƠNG LÊ HỒNG PHONG
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH
Ngày: 12-10-2016
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Tạ Minh Phương

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 1310-2013-111-1

Kiểm toán viên

Tạ Thanh Bình

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: 1374-2013-111-1



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Dặng Luân Đình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 28 tháng 02 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	28/02/2015	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		71.625.303.709	39.130.995.370
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	668.268.648	338.055.408
1. Tiền	111		668.268.648	338.055.408
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	59.550.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		59.550.000.000	15.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.718.563.115	18.069.010.842
1. Phải thu khách hàng	131	V.03	1.190.807.236	889.469.171
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	3.553.414.528	1.048.480.400
3. Các khoản phải thu khác	135	V.05	4.974.341.351	16.231.688.821
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(100.627.550)
IV- Hàng tồn kho	140		658.605.198	3.986.480.980
1. Hàng tồn kho	141	V.06	658.605.198	3.986.480.980
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150	V.07	1.029.866.748	1.737.448.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	79.264.549
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		896.318.805	1.601.583.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		76.947.943	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		56.600.000	56.600.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		28.580.370.404	13.632.477.288
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		17.990.925.067	4.239.576.717
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	5.504.147.767	4.239.576.717
- Nguyên giá	222		15.803.680.460	9.340.465.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.299.532.693)	(5.100.888.465)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	12.486.777.300	-
- Nguyên giá	228		12.486.777.300	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	10.109.630.804	9.392.900.571
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.758.275.906	7.714.809.820
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.351.354.898	1.678.090.751
V. Tài sản dài hạn khác	260		479.814.533	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		479.814.533	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		100.205.674.113	52.763.472.658

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 28 tháng 02 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	28/02/2015	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		38.808.153.772	6.424.045.646
I- Nợ ngắn hạn	310		38.808.153.772	6.424.045.646
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.11	528.738.052	1.341.345.780
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	15.883.739.565	2.956.264.882
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	52.211.840	101.199.390
5. Phải trả người lao động	315		160.454.441	623.393.541
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	21.815.973.864	443.467.043
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		367.036.010	958.375.010
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		61.397.520.341	46.339.427.012
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.15	61.397.520.341	46.339.427.012
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.398.333.326	39.512.928.356
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	4.811.051.075
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	1.792.381.581
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	223.066.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		999.187.015	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)			100.205.674.113	52.763.472.658

HỒNG TRUNG
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH
Ngày: 12-10-2016
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



Đặng Luân Đình

Thái Bình, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phượng

Phạm Thị Nhâm



Bùi Thị Phượng

Phạm Thị Nhâm

Nguyễn Công Tri

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2014- 28/02/2015	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66.299.224.566	51.471.269.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		66.299.224.566	51.471.269.341
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.189.897.142	45.437.614.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.109.327.424	6.033.654.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.741.274.167	4.859.509.435
7. Chi phí tài chính	22		154.753.427	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		2.736.644.131	2.117.192.969
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6.134.214.133	5.401.923.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.824.989.900	3.374.046.982
11. Thu nhập khác	31		1.006.473.013	386.463.535
12. Chi phí khác	32		11.454.545	153.220.329
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		995.018.468	233.243.206
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (= 30+40)	50		2.820.008.368	3.607.290.188
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		231.823.101	401.621.822
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.588.185.267	3.205.668.366

UBND PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH
Ngày: 12-10-2016
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH



Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhâm

Phạm Thị Nhâm

Thái Bình, ngày 28 tháng 02 năm 2015



Tổng giám đốc

Nguyễn Công Trì

Nguyễn Công Trì

Người lập biểu

Bùi Thị Phương

Bùi Thị Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2014- 28/02/2015	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		79.334.534.368	52.708.174.766
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(68.550.285.726)	(54.674.848.176)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(3.512.939.100)	(2.882.569.700)
4. Tiền chi trả lãi vay	4			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(466.612.684)	(844.836.017)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		167.784.004.071	89.882.368.587
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(176.503.574.192)	(86.346.131.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.914.873.263)	(2.157.842.440)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			(82.267.050)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.672.568.637	1.360.290.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.672.568.637	1.278.023.073
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(242.304.626)	(879.819.367)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		338.055.408	1.044.423.902
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		572.517.866	173.450.873
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	668.268.648	338.055.408

UBND PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
T. THÁI BÌNH
Ngày: 12-10-2016
CHỨNG TỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Kế toán trưởng

Thái Bình, ngày 28 tháng 02 năm 2015
Tổng giám đốc

Người lập biểu

Phượng

Bùi Thị Phượng

Phạm Thị Nhâm

Phạm Thị Nhâm

M.S.Đ. N: 1000215007-GP
CÔNG TY
HỮU TÍN
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
TỈNH THÁI BÌNH
TP. THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH
Nguyễn Công Trì

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xuất nhập khẩu tỉnh Thái Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1000215007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Thái Bình cấp lần đầu ngày 13 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 01 tháng 02 năm 2013.

Trụ sở chính đặt tại: Số 01, phố Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Số điện thoại: 0363.731.722 Fax: 0363.731.312

Mã số thuế : 1000215007

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên trở lên thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 02 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là 38.571.515.912 VNĐ (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ năm trăm bảy mươi một triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm mười hai Việt Nam đồng).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại và sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên trở lên thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 02 năm 2013 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán ô tô, xe máy
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Bán buôn ô tô và các loại xe có động cơ khác
- Đại lý ô tô và các động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận của phụ trợ của mô tô, xe máy
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ trang điểm cô dâu, cho thuê áo cưới
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Bán buôn tơ, sợi dệt
- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Bán buôn xi măng; bán buôn clanhke xi măng
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
- Sản xuất, mua bán hàng may mặc:
Sản xuất mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
Mua bán, chế biến hàng nông sản thực phẩm;
Mua bán hạt giống, cây giống và giống rau quả các loại;
Mua bán các sản phẩm đồ gỗ;
Dạy nghề ngắn hạn (cắt, may công nghiệp, dạy nghề cho lao động đi làm việc ở nước ngoài);
Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng;
Dịch vụ tuyển dụng lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài (chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
Dịch vụ tuyển dụng, môi giới lao động cho doanh nghiệp xuất khẩu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Mua bán thiết bị văn phòng;
Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng (không bao gồm mua bán bất động sản);
Tổng đại lý mua bán hàng hóa;
Dịch vụ làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải (không bao gồm dịch vụ mua bán tư vấn thuế, dịch vụ kế toán và dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ kế toán và dịch vụ tư vấn pháp lý);
Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê kho, bãi đỗ xe;
Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế;
Giặt, tẩy, in, thêu các loại vải và sản phẩm dệt.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo phương pháp giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 28/02/2015 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 25/04/2013.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Hiện tại Đơn vị không theo dõi được chi tiết thời gian hình thành tài sản cố định và thời gian đưa tài sản cố định vào sử dụng theo ngày tháng mà chỉ theo dõi chi tiết được theo năm. Đơn vị trích khấu hao không nhất quán, không theo đường thẳng mà trích khấu hao theo ước tính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: là số tiền đã trả hoặc phải trả theo cam kết cho việc sử dụng nguồn vốn đi vay;
- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: là các khoản chi phí đã phát sinh nhưng giá trị của nó tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ đều theo thời gian và liên tục kể từ thời điểm đưa vào phân bổ. Thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại giá trị lợi ích kinh tế.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên số tiền đã phát sinh và chắc chắn phải thanh toán cho hàng hóa và dịch vụ sử dụng trong kỳ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu: Toàn bộ giá trị bằng tiền các khoản chủ sở hữu góp vào công ty theo đăng ký kinh doanh, lợi nhuận phân phối từ lãi ròng.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: là phần lợi nhuận cuối cùng sau khi đã trừ thuế lợi tức, và các khoản giảm trừ khác liên quan và chưa được chia cho các thành viên.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- **Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa và xuất hóa đơn tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

- **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** được ghi nhận tại thời điểm công việc dịch vụ đã hoàn thành và xuất hóa đơn tài chính.
- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là các khoản thu về lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận tại thời điểm có khả năng thu được lợi ích kinh tế và được xác định chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí khác được ghi nhận tại thời điểm có bằng chứng phát sinh chi phí không kể đã chi hay chưa chi bằng tiền.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và được hưởng ưu đãi, miễn giảm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của chế độ hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự khác biệt tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên Báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán; thuế suất được dự tính trên cơ sở thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	356.992.125	84.278.488
Tiền gửi ngân hàng	311.276.523	253.776.920
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	97.996.786	135.300.812
- Ngân hàng Công thương - Văn phòng	92.350.816	133.502.586
- Ngân hàng Công thương - CN Hải Phòng	1.833.432	1.798.226
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Thái Bình	3.812.538	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ	213.279.737	118.476.108
- Tiền gửi bằng ngoại tệ NH Công thương - Văn phòng	213.279.737	108.978.049
- Tiền ngoại tệ gửi ngân hàng Ngoại Thương VN		9.498.059
Tổng cộng	668.268.648	338.055.408

2. KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	59.550.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn - NH Công thương VN	37.900.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn - NH TMCP Sài Gòn SHB	21.650.000.000	
Dự phòng giảm giá Đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Tổng cộng	59.550.000.000	15.000.000.000

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
- Cty CP thương mại đầu tư Thái Bình	117.830.149	117.830.149
- Công ty cổ phần may Việt Hưng	86.221.331	100.591.314
- Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh	198.000.000	197.999.739
- Công ty cổ phần XNK hàng thủ công Mỹ Nghệ	76.522.567	76.522.567
- ECHORоба CO., LTD	712.233.189	
- Maxplanning company, co, ltd		5.742.617
- SEJIN ACE CO, LTD		290.155.235
- yunis apparel co., ltd		100.627.550
Tổng cộng	1.190.807.236	889.469.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

4. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
- Công ty TNHH Phú Việt		1.048.480.400
- Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Việt Hồng	3.525.286.850	
- Khối văn phòng Công ty	28.127.678	
Tổng cộng	3.553.414.528	1.048.480.400

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí ứng trước công trình XD nhà ở	-	11.454.545
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	122.400.000	71.400.000
Công ty CP Lương thực Thái Bình	-	-
Công ty CP May Việt Hưng	3.928.163.524	3.862.923.524
Công ty CP May XK Việt Hồng	477.139.074	12.053.486.864
Công ty CP XNK Hàng thủ công Mỹ Nghệ	219.992.000	232.433.888
Khoản thu khác	226.646.753	
Tổng cộng	4.974.341.351	16.231.698.821

6. HÀNG TỒN KHO

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
- Hàng hoá	658.605.198	3.986.480.980
Tổng cộng	658.605.198	3.986.480.980

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
- Chi phí trả trước ngắn hạn	-	79.264.549
- Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	973.266.748	1.601.583.591
- Tài sản ngắn hạn khác	56.600.000	56.600.000
Tổng cộng	1.029.866.748	1.737.448.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO):

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2014	8.027.214.932	185.068.432	1.128.181.818	9.340.465.182
Tăng trong kỳ	9.331.900.478	-	130.410.000	9.462.310.478
Tăng do đánh giá TS lại để cổ phần hóa	9.331.900.478	-	130.410.000	9.462.310.478
Giảm trong kỳ	2.999.095.200	-	-	2.999.095.200
Giảm khác (điều chuyển TSCĐVH)	2.999.095.200	-	-	2.999.095.200
Số dư tại 28/02/2015	14.360.020.210	185.068.432	1.258.591.818	15.803.680.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2014	4.738.638.215	184.068.432	178.181.818	5.100.888.465
Tăng trong kỳ	5.913.878.697	1.000.000	242.343.535	6.157.222.232
Khấu hao trong kỳ	5.913.878.697	1.000.000	242.343.535	6.157.222.232
Tăng khác	922.564.318	36.013.686	-	958.578.004
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	922.564.318	36.013.686	-	958.578.004
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại 28/02/2015	9.729.952.594	149.054.746	420.525.353	10.299.532.693
GIA TRỊ CON LẠI				
Tại 01/01/2014	3.288.576.717	1.000.000	950.000.000	4.239.576.717
Tại 28/02/2015	4.630.067.616	36.013.686	838.066.465	5.504.147.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2014	-	-
Tăng trong năm	12.486.777.300	12.486.777.300
Tăng đánh giá lại tài sản để CPH	12.486.777.300	12.486.777.300
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 28/02/2015	<u>12.486.777.300</u>	<u>12.486.777.300</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2014	-	-
Số dư tại 28/02/2015	<u>-</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	-	-
Tại 28/02/2015	<u>12.486.777.300</u>	<u>12.486.777.300</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	28/02/2015 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	1.758.275.906	7.714.809.820
- Công ty CP Thương mại và Đầu tư Thái Bình	1.158.348.123	1.054.007.820
- Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ	599.927.783	536.540.000
- Công ty CP May Việt Hồng (*)		6.124.262.000
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	8.351.354.898	1.678.090.751
- Công ty CP May XK Việt Hồng (*)	6.566.599.130	
- Công ty CP May Việt Hưng	1.784.755.768	1.678.090.751
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Tổng cộng	<u>10.109.630.804</u>	<u>9.392.900.571</u>
(*) Chuyển từ công ty con sang công ty liên kết		

❖ Chi tiết tỷ lệ sở hữu vốn vào công ty con:

	28/02/2015 %	01/01/2014 %
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thái Bình	51,00	51,00
- Công ty CP Thủ công Mỹ nghệ Xuất khẩu	53,40	53,40
- Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Việt Hồng	-	87,20

CÔNG TY TNHH MTV XNK TỈNH THÁI BÌNH

Số 01, Hai Bà Trưng, P. Lê Hồng Phong, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Tel: 0363.731.722 Fax: 0363.731.312

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 28/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN****11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
- Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Việt Hồng		1.222.219.765
- Công ty TNHH Quang Vinh		19.148.500
- Công ty TNHH vận tải Lam Sơn Thái Bình	28.600.000	18.480.000
- HTX may công nghiệp Tân Bình Minh		80.826.536
- Khối văn phòng Công ty		670.979
- Công ty cổ phần may XK Việt Thái - CTCPV	224.070.000	
- Các khoản thu về cổ phần hoá - CPH	44.000.000	
- Công ty TNHH Phú Việt	232.068.052	
Tổng cộng	528.738.052	1.341.345.780

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
- Công ty Thương Mại Quang Huy	44.126.000	
- J.adams & associates limited	15.558.243.350	1.071.569.022
- Khối văn phòng Cty	6.174.000	
- ECHORоба CO., LTD		1.884.695.860
- SEJIN ACE CO, LTD	275.196.215	
Tổng Cộng	15.883.739.565	2.956.264.882

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp		101.199.390
Thuế thu nhập cá nhân	1.511.840	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	50.700.000	-
Tổng cộng	52.211.840	101.199.390

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	28/02/2015	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	13.185.864
Bảo hiểm xã hội	4.573.864	-
Phải trả về cổ phần hóa	21.651.400.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.000.000	430.281.179
Tổng cộng	21.815.973.864	443.467.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2014	39.512.928.356	4.811.051.075	1.792.381.581	223.066.000	-	46.339.427.012
Tăng trong kỳ này	20.920.032.062	-	-	2.559.608.902	2.588.185.267	26.067.826.231
Tăng vốn	20.920.032.062	-	-	-	-	20.920.032.062
Lãi	-	-	-	2.559.608.902	2.588.185.267	2.588.185.267
Tăng khác	-	-	-	-	-	2.559.608.902
Giảm trong kỳ này	34.627.092	4.811.051.075	1.792.381.581	2.782.674.902	1.588.998.252	11.009.732.902
Giảm vốn	-	-	-	-	1.588.998.252	1.588.998.252
Lỗ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	34.627.092	4.811.051.075	1.792.381.581	2.782.674.902	-	9.420.734.650
Số dư ngày 28/02/2015	60.398.333.326	-	-	-	999.187.015	61.397.520.341

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2014- 28/02/2015 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng	66.229.224.566	51.471.269.341
Tổng cộng	66.229.224.566	51.471.269.341

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014- 28/02/2015 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	60.189.897.142	45.437.614.886
Tổng cộng	60.189.897.142	45.437.614.886

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014- 28/02/2015 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.398.081.297	1.360.290.128
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.743.916.569	1.553.432.900
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	594.355.741	168.810.793
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.920.560	1.776.975.614
Tổng cộng	4.741.274.167	4.859.509.435

UBND PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH
Ngày: 12-10-2016
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán cần phải trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 28/02/2015.

Người lập biểu

Phượng

Bùi Thị Phượng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhâm

Phạm Thị Nhâm

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Đạt ngày 28 tháng 02 năm 2015



Nguyễn Công Trì